TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 140/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 422/2024/TLST-VDS ngày 13/11/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị Thu H; sinh năm 1983.

Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: số 23/23 Lê Hữu N, Phường 4, thành phố T, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thu H và Ông Đỗ Thành T là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân được UBND xã B, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/02/2004. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, tính tình không hợp nhau mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khả năng hàn gắn được. Do đó, bà H và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải nhưng bà H và ông T kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 03 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố T lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, bà H và ông T đã thống nhất ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Phạm Gia H, sinh ngày 12/9/2005 (đã thành niên) và Đỗ Phạm Gia P, sinh ngày 05/12/2013, thống nhất giao con chung chưa thành niên Đỗ Phạm Gia P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng,

Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có người yêu cầu nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H và ông Đỗ Thành T thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Phạm Gia H, sinh ngày 12/9/2005 (đã thành niên) và Đỗ Phạm Gia P, sinh ngày 05/12/2013. Bà H và ông T thống nhất thoả thuận giao con chung chưa thành niên chưa thành niên Đỗ Phạm Gia P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Đỗ Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà Phạm Thị Thu H và ông Đỗ Thành T tự nguyện thỏa thuận ông T chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001021 ngày 12/11/2024 của chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPTA;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- AV, Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tố Loan